

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/DS-ST
Ngày: 21-6-2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Đạt Thông
- Ông Dương Thanh Hùng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Quý, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Kim Mau - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duuyên Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-DS ngày 22/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐST-DS ngày 11/6/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V; chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số B, L, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông V: Ông Nguyễn Đình T; chức vụ: Giám đốc ngân hàng N – chi nhánh N1. (Văn bản ủy quyền số 2664/qđQ-NHNo-PC ngày 01/12/2022).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Thạch S, sinh năm 1947

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Thạch Thị S1, sinh năm 1953

- + Anh Thạch Minh V1, sinh năm: 1977.
- + Anh Thạch Minh T1, sinh năm 1988
- + Anh Thạch Minh C, sinh năm 1990
- + Anh Thạch Minh T2, sinh năm 1991
- + Chị Thạch Thị Sô P, sinh năm 1991
- + Anh Huỳnh M, sinh năm 1997
- + Chị Thạch Thị Sa M1, sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: Khóm A, thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/9/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Trần Thanh P1 trình bày:

Ngày 28/4/2021, ngân hàng N – chi nhánh thị xã N1 (nay được chuyển giao sang chi nhánh N1) có ký hợp đồng tín dụng số 7410-LAV-202101200 với ông Thạch S, số tiền cho vay là 500.000.000 đồng; mục đích vay vốn: Cải tạo ao nuôi tôm; thời hạn cho vay là 12 tháng; lãi suất cho vay trong hạn 8,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn; kỳ trả nợ: 01 kỳ vào ngày 28/4/2022 trả gốc 500.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Thạch S đã tự nguyện dùng tài sản là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất diện tích 2.599,3m², thửa số 2309, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh và diện tích 22.910m², thửa số 107, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh do hộ ông Thạch S đứng tên quyền sử dụng đất để thế chấp cho ngân hàng N – chi nhánh N1 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 47/TTLT/HĐTC-QSĐĐ và số 47A/TTLT/HĐTC-QSĐĐ cùng ngày 24/02/2020.

Đến hạn trả nợ ông Thạch S đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay theo đúng hợp đồng tín dụng số 7410-LAV-202101200 ngày 28/4/2021. Đến nay đã quá hạn, ngân hàng N – chi nhánh N1 đã áp dụng nhiều biện pháp để thu hồi nợ như thường xuyên trực tiếp đến nhà khách hàng đôn đốc trả nợ, cho ký cam kết trả nợ nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán tất nợ cho ngân hàng.

Tính đến ngày 14/9/2023, ông S còn thiếu ngân hàng số tiền gốc 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 53.189.042 đồng, tiền lãi quá hạn 8.325.342 đồng, tiền lãi chậm trả 1.436.065 đồng, tổng cộng 562.950.499 đồng. Nay ngân hàng yêu cầu ông S phải trả đủ số tiền nêu trên và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên.

Trường hợp ông S không trả nợ hoặc trả không đầy đủ cho ngân hàng N – chi nhánh N1 thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của hộ ông S theo hợp đồng thế chấp tài sản gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất diện

tích 2.599,3m², thửa số 2309, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh và diện tích 22.910m², thửa số 107, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh do hộ ông Thạch S đứng tên quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với các thửa đất nêu trên để đảm bảo thanh toán khoản vay cho ngân hàng N – chi nhánh N1.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 14/5/2024, bị đơn ông Thạch S trình bày:

Vào năm 2021, giữa ông và ngân hàng N – chi nhánh thị xã N1 có ký hợp đồng vay vốn số 7410-LAV-202101200 ngày 28/4/2021. Số tiền vay 500.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng, từ ngày 28/4/2021 đến ngày 28/4/2022; lãi suất cho vay trong hạn 8,5%/năm; lãi cho vay quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay: Cải tạo ao nuôi tôm.

Sau khi vay vốn, do làm ăn gặp khó khăn nên ông không có điều kiện trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông trả trả nợ, tổng số tiền tính đến ngày 14/9/2023, tiền gốc 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 53.189.042 đồng, tiền lãi quá hạn 8.325.342 đồng, tiền lãi chậm trả 1.436.065 đồng, tổng cộng 562.950.499 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 15/9/2023 cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng, ông đồng ý trả đủ số tiền nêu trên theo yêu cầu của Ngân hàng.

Trong trường hợp ông không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì ông và các thành viên trong gia đình đồng ý để ngân hàng xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất diện tích 2.599,3m², thửa số 2309, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh và diện tích 22.910m², thửa số 107, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh do hộ ông Thạch S đứng tên quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất để đảm bảo thanh toán khoản vay cho ngân hàng N – chi nhánh N1.

Ông S và tất cả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Đình T trình bày:

Giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu khởi kiện như trong quá trình giải quyết vụ án; yêu cầu ông Thạch S phải trả cho ngân hàng N – chi nhánh N1 số tiền vay tính đến ngày 21/6/2024, trong đó tiền gốc 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 85,908,219 đồng, tiền lãi quá hạn 24,684,932 đồng, tiền lãi chậm trả 4,244,456 đồng, tổng cộng 614,837,607 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên.

Trường hợp ông S không trả được nợ cho ngân hàng thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất diện tích

2.599,3m², thửa số 2309, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh và diện tích 22.910m², thửa số 107, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh do hộ ông Thạch S đứng tên quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất để đảm bảo thu hồi nợ cho ngân hàng.

Bị đơn ông Thạch S và tất cả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Thủ tục thụ lý hồ sơ, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đều tổng đạt cho các đương sự đầy đủ đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng N – chi nhánh N1. Buộc ông Thạch S phải trả cho ngân hàng N – chi nhánh N1 số tiền vay tính đến ngày 21/6/2024 trong đó tiền gốc 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 85,908,219 đồng, tiền lãi quá hạn 24.684.932 đồng, tiền lãi chậm trả 4.244.456 đồng, tổng cộng 614.837.607 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên.

Trường hợp ông S không trả được nợ cho ngân hàng thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất diện tích 2.599,3m², thửa số 2309, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh và diện tích 22.910m², thửa số 107, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh do hộ ông Thạch S đứng tên quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất để đảm bảo thu hồi nợ cho ngân hàng. Buộc ông S phải chịu án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

Các tình tiết, sự kiện đương sự đã thống nhất và không phải chứng minh:

- Giữa ngân hàng N – chi nhánh N1 với ông Thạch S có ký hợp đồng tín dụng, số tiền vay gốc là 500.000.000 đồng, lãi suất vay theo hợp đồng tín dụng số 7410-LAV-202101200 ngày 28/4/2021.

- Trường hợp ông S không trả được nợ cho ngân hàng thì ông S đồng ý để ngân hàng có quyền xử lý hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất diện tích 2.599,3m², thửa số 2309, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh và diện tích 22.910m², thửa số 107, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh do hộ ông Thạch S đứng tên quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất để đảm bảo thu hồi nợ cho ngân hàng.

Các tình tiết, sự kiện đương sự không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn ngân hàng N – chi nhánh N1 khởi kiện ông Thạch S; yêu cầu ông S phải trả đủ số tiền vay, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Bị đơn ông S không có yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nào khác. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp. Ông S có địa chỉ cư trú tại khóm A, thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng N – chi nhánh N1:

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngân hàng đã cung cấp hợp đồng tín dụng số 7410-LAV-202101200 ngày 28/4/2021 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 47/TTLT/HĐTC-QSĐĐ và số 47A/TTLT/HĐTC-QSĐĐ cùng ngày 24/02/2020 có chữ ký của ông S và các thành viên trong gia đình ông S. Ông S cũng thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng số 7410-LAV-202101200 ngày 28/4/2021 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 47/TTLT/HĐTC-QSĐĐ và số 47A/TTLT/HĐTC-QSĐĐ cùng ngày 24/02/2020 với ngân hàng, số tiền vay vốn là 500.000.000 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến kỳ hạn trả nợ nhưng ông Thạch S không thực hiện đúng cam kết là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định

tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự và vi phạm hợp đồng tín dụng số 7410-LAV-202101200 ngày 28/4/2021. Ngân hàng đã thường xuyên trực tiếp đến nhà ông S để đôn đốc trả nợ, cho ký cam kết trả nợ nhưng đến nay đã quá hạn vẫn chưa thanh toán tất nợ cho ngân hàng.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, ông S ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 47/TTLT/HĐTC-QSĐĐ và số 47A/TTLT/HĐTC-QSĐĐ cùng ngày 24/02/2020 đã được chứng thực tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được xác lập tuân thủ đúng nội dung và hình thức theo quy định tại các Điều 317, 318, 319 của Bộ luật dân sự; điểm a Điều 4; khoản 1 Điều 5; Điều 6; khoản 3 Điều 9; khoản 2 Điều 39 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP01/9/2017 của Chính phủ về việc đăng ký biện pháp bảo đảm. Qua khảo sát, thẩm định tại thửa số 2309, 107 nêu trên không có thay đổi so với quyền sử dụng đất được cấp, trên thửa số 2309, 107 chỉ có tài sản của hộ ông S, không có tài sản của ai khác. Do đó, hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật, các tài sản thế chấp được bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khi ông S không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết.

Từ những cơ sở phân tích nêu trên, xét thấy ngân hàng N – chi nhánh N1 khởi kiện yêu cầu ông S phải trả số tiền vay tính đến ngày 21/6/2024 trong đó tiền gốc 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 85,908,219 đồng, tiền lãi quá hạn 24.684.932 đồng, tiền lãi chậm trả 4.244.456 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng. Trường hợp ông S không trả được nợ cho ngân hàng thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất diện tích 2.599,3m², thửa số 2309, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh và diện tích 22.910m², thửa số 107, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh do hộ ông Thạch S đứng tên quyền sử dụng đất là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Số tiền là 2.000.000 (hai triệu) đồng, ngân hàng N – chi nhánh N1 đã nộp xong. Buộc ông Thạch S có nghĩa vụ chịu số tiền này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ông Thạch S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 28.593.500 đồng.

[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 317, 318, 319, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ các Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị định số 102/2017/NĐ-CP01/9/2017 của Chính phủ về việc đăng ký biện pháp bảo đảm;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **ngân hàng N – chi nhánh N1**. Buộc ông **Thạch S** phải trả cho **ngân hàng N – chi nhánh N1** số tiền vay tính đến ngày 21/6/2024 trong đó tiền gốc 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 85,908,219 đồng, tiền lãi quá hạn 24.684.932 đồng, tiền lãi chậm trả 4.244.456 đồng.

Kể từ ngày 22/6/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 7410-LAV-202101200 ngày 28/4/2021.

2. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp ông **S** không trả được nợ cho **ngân hàng N – chi nhánh N1** thì **ngân hàng N – chi nhánh N1** có quyền xử lý hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với diện tích 2.599,3m², thửa số 2309, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại **thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh** và diện tích 22.910m², thửa số 107, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại **xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh** do hộ ông **Thạch S** đứng tên quyền sử dụng đất để đảm bảo thu hồi nợ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Buộc ông **Thạch S** chịu số tiền là 2.000.000 (hai triệu) đồng. Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền thu số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng từ ông **S** để hoàn trả cho **ngân hàng N – chi nhánh N1**.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông **Thạch S** phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 28.593.500 đồng.

- **Ngân hàng N – chi nhánh N1** không phải chịu án phí; hoàn trả **ngân hàng N – chi nhánh N1** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.259.000 đồng theo biên lai số 0019281 ngày 08 tháng 11 năm 2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải thu.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện Duyên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Yên